

Số: 00582/2023/KQTN/16

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM 12/12/2023

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ BIỂN
- 2 Địa chỉ : 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Tp.HCM
- 3 Ngày lấy mẫu : 05/12/2023
- 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 5 Loại mẫu : Nước thải
- 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 231205.16NT01: Nước thải sau xử lý
- 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008 /BTNMT Cột B	Phương pháp đo đạc, phân tích
			231205.16NT01		
1.	TDS ⁽¹⁾	mg/L	397	1000	HDCV.01
2.	pH ⁽¹⁾	-	6,93	5 – 9	TCVN 6492:2011
3.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	39	100	TCVN 6625:2000
4.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	25	50	TCVN 6001-1:2008
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ N) ⁽¹⁾	mg/L	3,16	10	TCVN 6179 – 1:1996
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ N) ⁽¹⁾	mg/L	21,9	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P) ⁽¹⁾	mg/L	1,98	10	SMEWW 4500-P.D:2017
8.	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,03	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	mg/L	1,3	20	SMEWW 5520B&F:2017
10.	Chất hoạt động bề mặt ⁽²⁾	mg/L	KPH MDL=0,03	10	SMEWW 5540B&C:2017
11.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,7 × 10 ³	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt. Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOAN



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00582/2023/KQTN/16 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 12/12/2023

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ BIỂN
2. **Địa chỉ** : 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Tp.HCM
3. **Ngày lấy mẫu** : 05/12/2023
4. **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
5. **Loại mẫu** : Khí thải
6. **Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Bụi ⁽²⁾ (mg/Nm ³)	NO _x ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	CO ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)
Ổng khói máy phát điện (X: 10°72'13"; Y=106°70'23")	72,3	44,6	28,9	93,1	402
Ổng khói nhà bếp (X: 10°72'13"; Y=106°70'22")	67,1	15,2	KPH	KPH	KPH
QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (C_{max} = C x K_p x K_v)	-	≤ 200	≤ 850	≤ 500	≤ 1.000
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	US EPA Method 5	HDCV.04	HDCV.04	HDCV.04

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;

- ⁽²⁾ Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;

- Tiếng ồn được quan trắc xung quanh vị trí ống khói máy phát điện/ ống khói nhà bếp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

C_{max}: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³).

C: nồng độ bụi và các chất vô cơ qui định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT

KV=1: hệ số vùng, khu công nghiệp.

KP=1: hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m³/h.

- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
MÔI TRƯỜNG VÀ
AN TOÀN LAO ĐỘNG
SAO VIỆT
NGUYỄN THỊ HUYỀN